



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

(Kèm theo quyết định số/ with decision No : 151 / QĐ – VPCNCLQG ngày 19 tháng 01 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)

Tên tổ chức giám định : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH THÁI AN**
Name of Inspection Body: **THAI AN CONTROL SERVICES COMPANY LIMITED**
Mã số công nhận
Accreditation Code: **VIAS 083**
Chuẩn mực công nhận
Accreditation standard: **ISO/IEC 17020:2012**
Địa chỉ trụ sở chính: **157 Đường số 5, KĐT Lakeview City, Phường Bình Trưng,
TP. Hồ Chí Minh**
Head office address: **157 Street No.5, Lakeview City Urban Area, Binh Trung ward,
Ho Chi Minh City**
Địa điểm công nhận : **Số 184 Đường D, KĐT Lakeview City, Phường Bình Trưng,
TP. Hồ Chí Minh**
Accredited locations: **No. 184 Street D, Lakeview City Urban Area, Binh Trung ward,
Ho Chi Minh City**
Điện thoại/ Tel: **(028) 35193399**
Email: Website: **http://tacco.vn**
Loại tổ chức giám định : **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện : **Phạm Anh Kiệt**
Authorized Person:
Hiệu lực công nhận /
Period of Validation: **Kể từ ngày 19 / 01 / 2026 đến ngày 22 / 10 / 2026**



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX**

**PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS**

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Máy móc, thiết bị: Máy móc, thiết bị và dây chuyền Machinery and equipment: <i>Machines, equipments, production line</i>	Số lượng, chủng loại, tình trạng, tính đồng bộ, thông số kỹ thuật, xuất xứ <i>Tally, type, condition, completeness, specification, origin</i>	QTGD-01-TACCO QTGD-24-TACCO QTGD-25-TACCO QTGD-26-TACCO QTGD-27-TACCO QTGD-28-TACCO QTGD-29-TACCO QTGD-30-TACCO QTGD-31-TACCO QTGD-32-TACCO	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>
Máy móc, thiết bị: Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng Machinery and equipment: <i>Used machines, equipments</i>	Số lượng, chủng loại, tình trạng, tuổi (theo năm sản xuất), sự phù hợp của tiêu chuẩn sản xuất (an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường) theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg và 28/2022/QĐ-TTg <i>Tally, type, condition, completeness, age (follow factory year of manufacture), in accordance with production standards on safety, energy saving, and environmental protection, according to the Decision 18/2019/QĐ-TTg and 28/2022/QĐ-TTg</i>	QTGD-22-TACCO QTGD-23-TACCO	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Máy móc, thiết bị: Máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp Machinery and equipment <i>Agricultural machines and equipments</i>	Xác định sự phù hợp về chủng loại, qui cách, thông số kỹ thuật theo TCVN/ QCVN tương ứng (TCVN 8744- 1:2011, TCVN 8744-2:2012, TCVN 6818-1:2010, TCVN 6818-7:2011, TCVN 8746:2011, TCVN 8803: 2012, QCVN 01-182:2015/ BNNPTNT) <i>Determine the conformity of types, specifications, and technical specifications according to TCVN/QCVN (TCVN 8744-1:2011, TCVN 8744-2:2012, TCVN 6818- 1:2010, TCVN 6818-7:2011, TCVN 8746:2011, TCVN 8803: 2012, QCVN 01- 182:2015/ BNNPTNT)</i>	QTGD-51-TACCO QTGD-52-TACCO QTGD-53-TACCO QTGD-54-TACCO QTGD-55-TACCO QTGD-56-TACCO QTGD-57-TACCO QTGD-58-TACCO	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>
Phế liệu: Phế liệu sắt, thép, gang; Phế liệu giấy; Phế liệu nhựa và Phế liệu kim loại màu Scrap: <i>Steel scrap; Paper scrap; Plastic scrap and Non- ferrous metal scrap</i>	Phân loại theo HS, xác định tỉ lệ tạp chất, chất thải nguy hại theo QCVN tương ứng (QCVN 31:2024/BTNMT, QCVN 32:2024/BTNMT, QCVN 33:2024/ BTNMT, QCVN 66:2024/ BTNMT) <i>Classify by HS, impurity ratio, hazardous waste according to QCVN (QCVN 31:2024/BTNMT, QCVN 32:2024/BTNMT, QCVN 33:2024/ BTNMT, QCVN 66:2024/ BTNMT)</i>	QTGD-18-TACCO* QTGD-19-TACCO* QTGD-20-TACCO* QTGD-34-TACCO*	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX**

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Phế liệu: Phế liệu sắt, thép, gang; Phế liệu giấy; Phế liệu nhựa và Phế liệu kim loại màu Scrap: <i>Steel scrap; Paper scrap; Plastic scrap and Non-ferrous metal scrap</i>	Tầm soát phóng xạ tại hiện trường theo Suất liều ($\mu\text{Sv/h}$) và/hoặc tổng nhiễm xạ bề mặt (Bq/cm^2). <i>On-site Screening radioactive by Radiation dose rate ($\mu\text{Sv/h}$) and/or Total radioactive surface contamination (Bq/cm^2).</i>	QTGD-18-TACCO* QTGD-19-TACCO* QTGD-20-TACCO* QTGD-34-TACCO*	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>
Khoáng sản: Than đá Minerals: <i>Coal</i>	Lấy mẫu, chất lượng (đặc tính cơ lý, hoá lý) <i>Sampling, quality (physico mechanical, physical chemistry characteristics)</i>	QTGD-41-TACCO	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>
Khí, dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ <i>Gas, petroleum and petroleum products</i>	Khối lượng theo thể tích, lấy mẫu, chất lượng (đặc tính hoá, hoá lý) <i>Weight by volume, sampling, quality (chemical, physical chemistry characteristics)</i>	PPGD-02-TACCO PPGD-03-TACCO PPGD-04-TACCO PPGD-05-TACCO PPGD-06-TACCO PPGD-07-TACCO PPGD-13-TACCO PPGD-47-TACCO	Phòng Giám định <i>Inspection Department</i>

Ghi chú/ Note:

- QTGD-xx-TACCO, PPGD-xx-TACCO: Quy trình giám định, phương pháp giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam / *Regulation of Vietnam*
- (*) Phương pháp/Quy trình giám định có cập nhật 2025/ *Inspection method /procedure updated 2025.*

- Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giám định Thái An cung cấp dịch vụ giám định thì Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giám định Thái An phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Thai An Control Services Company Limited that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định <i>Code of inspection methods/ procedures</i>
Quy trình giám định về lắp đặt, vận hành và chạy thử của MMTB/DCCN	QTGD-01-TACCO, năm 2019
Phương pháp giám định số/ khối lượng xăng dầu từ tàu giao lên bờn và từ bờn giao xuống tàu	PPGD-02-TACCO, năm 2019
Phương pháp giám định nhựa đường lỏng chở trên tàu biển	PPGD-03-TACCO, năm 2019
Phương pháp lấy mẫu LPG	PPGD-04-TACCO, năm 2019
Phương pháp giám định LPG	PPGD-05-TACCO, năm 2019
Phương pháp kiểm soát hao hụt trong quá trình bơm hàng LPG từ tàu lên bờn	PPGD-06-TACCO, năm 2019
Phương pháp giám định khí hóa lỏng	PPGD-07-TACCO, năm 2019
Phương pháp giám định số lượng/ khối lượng dầu thô từ kho nổi giao sang tàu nhận	PPGD-13-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định phế liệu giấy	QTGD-18-TACCO, năm 2025
Quy trình giám định phế liệu nhựa	QTGD-19-TACCO, năm 2025
Quy trình giám định phế liệu sắt, thép, gang	QTGD-20-TACCO, năm 2025
Quy trình giám định MMTB đã qua sử dụng theo Điều 6 - Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg	QTGD-22-TACCO, năm 2023
Quy trình giám định MMTB đã qua sử dụng theo Điều 9 - Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg	QTGD-23-TACCO, năm 2023
Quy trình giám định số lượng chi tiết	QTGD-24-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định tình trạng	QTGD-25-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định quy cách, phẩm chất	QTGD-26-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định phạm vi sử dụng máy móc thiết bị	QTGD-27-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định tính chuyên dùng của MMTB	QTGD-28-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định chất lượng còn lại MMTB đã qua sử dụng	QTGD-29-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định nghiệm thu MMTB	QTGD-30-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định dây chuyền máy móc thiết bị nhập khẩu	QTGD-31-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định đồng bộ MMTB, DCCN	QTGD-32-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định phế liệu kim loại màu	QTGD-34-TACCO, năm 2025
Quy trình giám định chất lượng than đá và than cốc	QTGD-41-TACCO, năm 2025
Phương pháp giám định chất lượng dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ	PPGD-47-TACCO, năm 2019
Quy trình giám định chất lượng máy kéo tiêu chuẩn	QTGD-51-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy kéo nhỏ và máy kéo vết bánh hẹp	QTGD-52-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng: - Máy liên hợp thu hoạch - Máy thu hoạch cây làm thức ăn cho gia súc - Máy thu hoạch bông	QTGD-53-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy gieo hạt	QTGD-54-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy phun và phân phối phân bón dạng lỏng	QTGD-55-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy làm đất dẫn động bằng động cơ	QTGD-56-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy cắt bụi cây và xén cỏ cầm tay dẫn động bằng động cơ đốt trong	QTGD-57-TACCO, năm 2022
Quy trình giám định chất lượng máy lâm nghiệp	QTGD-58-TACCO, năm 2022